TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2024/DS-PT
Ngày: 11/9/2024
V/v tranh chấp Đòi lại đất bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLPT-DS ngày 22/5/2024 về việc "Tranh chấp Đòi lại đất bị lấn chiếm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2024/QĐ-PT ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Anh H; Sinh năm: 1962; Địa chỉ cư trú: Số E, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ H1; Sinh năm: 1961; Địa chỉ cư trú: Số A, đường P, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/7/2024. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Minh H2; Sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 là của ông nội ông H là ông Trần Văn N khai phá và canh tác. Do cha của ông H là ông Trần Văn N1 bị giặc truy bắt vì gia đình có thân nhân làm cách mạng nên không canh tác phần đất của ông nội ông H được mà giao lại cho cha vợ là ông ngoại của ông H là ông Nguyễn Văn Đ canh tác. Đến năm 1975, gia đình ông H về sinh sống và làm ruộng. Đến năm 1985, ông nội ông H giao lại phần đất cho ông H quản lý, canh tác. Đến năm 1992, ông H làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1992 cho ông Trần A H là phần đất tại thửa số 213, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2010, do kinh thuỷ lợi cắt ngang phần đất này nên ông H lên liếp trồng tràm và bạch đàn, sau đó ông H tính trồng chuối để thuận tiện cho việc thi công công trình của nhà nước thì ông C và bà H2 ngăn cản nên xảy ra tranh chấp.

Nay ông Trần Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Minh H2 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế là 702,4m^2 thuộc thửa số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Trần A Hải ngày 06/12/1992.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Cha vợ ông C là ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng ông C vào năm 1998. Đến năm 2005, ông T mất, hai phần đất mà vợ chồng ông C được cho là thửa đất số 210 có diện tích 6.574m^2 và thửa đất số 211 có diện tích 6.287m^2. Thửa đất số 211 thì vợ chồng ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện C đã huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 211 là do trước đây tranh chấp với ông Liêu Hiếu B. Hiện nay, vợ chồng ông C canh tác thửa 211, phần còn lại sau khi đã bán cho ông Bùi Việt Q một phần, phần ông C đang làm giáp thửa đất số 213 đang tranh chấp. Gia đình ông C không có lấn đất của ông H nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông H.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H2 trình bày như sau: Bà H2 thống nhất và đồng ý với lời trình bày của chồng là ông C.

* Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 27/10/2023 và Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 31/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích là 702,4m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đất có cây tạp), có số đo các cạnh: Hướng Đông giáp thửa đất số 211 có

số đo 21,91m; hướng Tây giáp thửa đất số 593 có số đo 71,61m; hướng Bắc giáp kênh thủy lợi có số đo 64,91m.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

* Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 42 của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Minh H2 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 702,4m^2 thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Anh H ngày 06/12/1992, cụ thể: Hướng Đông giáp thửa đất số 211 có số đo 21,91m; hướng Tây giáp thửa đất số 593 có số đo 71,61m; hướng Bắc giáp kênh thủy lợi có số đo 64,91m.

* Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Quyết định số 08/2024/QĐ-PT ngày 28/6/2024 của Hội đồng xét kháng cáo quá hạn Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Văn C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ chấp nhận vì phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn đã quản lý, canh tác từ năm 1985, đồng thời đã được Ủy ban

nhân dân huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Trường hợp này, bị đơn chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần quyết định này của bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa phần quyết định về án phí dân sự sơ thẩm của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham dự phiên tòa; bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H2 vắng mặt không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét các Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C lập và nộp trực tiếp tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 08/01/2024 và tại Quyết định số 08/2024/QĐ-PT ngày 28/6/2024 của Hội đồng xét kháng cáo quá hạn Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông C nên kháng cáo của ông C là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[3] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 27/10/2023 và Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 31/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích là 702,4m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đất có cây tạp), có số đo các cạnh: Hướng Đông giáp thửa đất số 211 có số đo 21,91m; hướng Tây giáp thửa đất số 593 có số đo 71,61m; hướng Bắc giáp kênh thủy lợi só số đo 64,91m).

[4] Theo nguyên đơn trình bày thì phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 213 có nguồn gốc là của ông Trần Văn N (ông nội của ông H) khai phá, canh tác từ trước năm 1975. Đến năm 1985, ông H được ông N giao cho thửa đất số 213 quản lý, canh tác đến ngày 06/12/1992 thì ông H được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2010, do kinh thủy lợi cắt ngang phần đất này nên ông H lên liếp trồng tràm và bạch đàn, sau đó ông H định trồng chuối thì ông C và bà H2 ngăn cản. Đối với bị

đơn ông C, bà H2 cho rằng vợ chồng ông C, bà H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 211 nhưng sau đó bị Ủy ban nhân dân huyện C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì có tranh chấp với ông Liêu Hiếu B. Hiện nay, vợ chồng ông C, bà H2 đang canh tác thửa đất số 211, có chuyển nhượng cho ông Bùi Việt Q một phần, phần còn lại ông C, bà H2 đang quản lý, canh tác giáp với phần đất tranh chấp với ông H. Vợ chồng ông C, bà H2 xác định thửa đất số 213 của ông H không còn và vợ chồng ông C, bà H2 không có lấn chiếm đất của ông H.

[5] Tại Công văn số 374/UBND-VP ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 62) xác định như sau: "Việc Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần A Hải đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 416657 ngày 06/12/1992 thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, diện tích 8.620m^2, đất tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là cấp đại trà theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trần A Hải ngày 22/9/1992 là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký, không đo đạc thực tế. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 213 nêu trên có diện tích 8.620m^2 đến tháng 5/2018 sau khi chuyển nhượng cho ông Lưu Đức T1, bà Đoàn Thị Trung A1 1.130,5m^2 và tặng cho ông Trần Quốc T2 5.837,9m^2 còn lại diện tích 1.651,6m^2, theo sơ đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C quản lý thì phần đất còn lại (diện tích 1.651,6m^2) do ông Trần Anh H là người quản lý, sử dụng".

[6] Xét lời trình bày của ông H là phù hợp với nội dung trả lời của Ủy ban nhân dân huyện C tại Công văn số 374/UBND-VP ngày 13/5/2020 (bút lục số 62) và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 27/10/2023 (bút lục số 249-252), Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 31/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (bút lục số 238). Như vậy, có đủ cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích 702,4m^2 thuộc thửa đất số 213 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn ông H. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, buộc bị đơn ông C, bà H2 giao trả cho nguyên đơn ông H quyền sử dụng đất có diện tích 702,4m^2 thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Minh H2, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Tuy nhiên, nguyên đơn ông H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 14.400.000 đồng (đã nộp xong). Đối với bị đơn ông C, bà H2 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 12.000.000 đồng (đã nộp xong).

[9] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm đối với phần giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bị đơn ông Nguyễn Văn C chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C.

* Sửa phần quyết định về việc giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm của Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định của Bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Minh H2 trả lại cho ông Trần A H quyền sử dụng đất có diện tích 702,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 213, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 416657 ngày 06/12/1992 của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Anh H, có số đo các cạnh như sau: Hướng Đông giáp thửa đất số 211 có số đo 21,91m; hướng Tây giáp thửa đất số 593 có số đo 71,61m; hướng Bắc giáp kênh thủy lợi só số đo 64,91m. Đất có cây tạp. (kèm theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 31/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Minh H2, mỗi người chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Nguyên đơn ông Trần Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần A H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 813.000 đồng (tám trăm mười ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008880 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

- Nguyên đơn ông Trần Anh H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 14.400.000 đồng và đã nộp xong.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Minh H2 chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 12.000.000 đồng và đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn C chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

Lê Thanh Vũ